

Số: 586/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I/2017-2018 Cho sinh viên Khóa 2017 - Bậc đào tạo: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 về học bổng khuyến khích học nghề của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-LTT-KHTC ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKI/2017-2018;

Căn cứ vào Tờ trình đề xuất phương án chi học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I năm học 2017-2018 của phòng Kế hoạch – Tài chính ngày 14 tháng 5 năm 2018;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập HKI/2017-2018 cho 55 sinh viên Khóa 2017 – Bậc đào tạo: Cao đẳng, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học tập;

- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 14 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 70 = 09 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 và KQRL ≥ 80 = 32 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ I (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKII/2017-2018, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Giỏi = 475.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 300.000đ/tháng/SV.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cổ vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.CTCT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ 1 năm học 2017-2018

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Bùi Quốc	Việt	17002848	17C1-QTM1	9.05	83	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
2	Châu Hữu	Khánh	17001815	17C1-CNÔ9	8.93	95	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
3	Võ Trần Quốc	Việt	17002532	17C1-ĐBT2	8.73	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
4	Võ Thị Kim	Chi	17003919	17C1-QTD1	8.50	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
5	Võ Thị Kim	Tuyền	17003370	17C1-QTD1	8.33	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
6	Nguyễn Thị Như	Uyên	17004250	17C1-QTD1	8.27	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
7	Trần Thị Thanh	Thảo	17003480	17C1-NNA1	8.20	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
8	Nguyễn Thị	Huệ	17004091	17C1-QTD1	8.20	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
9	Nguyễn Thị Mai	Dung	17000591	17C1-QTD1	8.20	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
10	Nguyễn Minh	Trí	17001351	17C1-THU1	8.13	85	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
11	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	17002677	17C1-QTD1	8.10	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
12	Đặng Thùy	Nga	17000554	17C1-CNM1	8.06	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
13	Phạm Hiếu	Thảo	17004010	17C1-NNA1	8.03	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
14	Nguyễn Quốc	Huy	17000956	17C1-NNA1	8.00	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
	Tổng cộng =		14										33.250.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

Người lập



Hoàng Ngọc Cảnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2017 Cao đẳng (2N)
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)
Học kỳ 1 năm học 2017-2018

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đôi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Tiêu Quang	Thuận	17003957	17C1-ANM1	8.82	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
2	Bùi Thị Thu	Hiền	17004394	17C1-CNM2	8.65	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
3	Nguyễn Thị	Châu	17004043	17C1-CNM2	8.35	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
4	Hà Thị	Bình	17004248	17C1-NNA2	8.33	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
5	Bùi Ngọc	Tịnh	17003503	17C1-CNM2	8.25	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
6	Thạch Thị Mộng	Trình	17003443	17C1-NNA2	8.23	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
7	Trần Đình	Quý	17004025	17C1-ANM1	8.21	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
8	Đặng Thị Kiều	Thu	17003506	17C1-CNM2	8.13	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
9	Trần Hà Nhật	Lan	17004213	17C1-NNA2	8.13	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
10	Khê Bích	Nhu	17004368	17C1-ĐCN2	7.20	99	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
11	Lê Vũ	Phong	17002637	17C1-ĐCN2	7.07	98	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
12	Nguyễn Thị Oanh	Nhi	17001290	17C1-NNA1	7.43	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
13	Nguyễn Đặng Hùng	Minh	17002435	17C1-CNÔ11	7.13	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
14	Đinh Thị Thu	Thảo	17002676	17C1-NNA1	7.17	89	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
15	Trương Thanh	Nhà	17004809	17C1-CCK7	7.42	87	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
16	Bùi Quang	Dự	17002535	17C1-ĐCN2	7.30	87	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
17	Nguyễn Thị Trâm	Phương	17003827	17C1-NNA1	7.87	86	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
18	Trương Đức	Thừa	17000274	17C1-NNA1	7.77	86	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
19	Phạm Thị Kim	Thoa	17001378	17C1-NNA1	7.13	86	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
20	Nguyễn Chí	Khang	17001350	17C1-NNA1	7.07	86	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
21	Hoàng Vũ Phương	Thanh	17000773	17C1-NNA1	7.07	86	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	



Choi

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
22	Trần Tuấn	Kiệt	17004241	17C1-QTD1	7.53	85	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
23	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	17003601	17C1-CTM2	7.23	85	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
24	Hà Thị	Gấm	17003026	17C1-NNA1	7.90	84	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
25	Lê Minh	Tuấn	17003659	17C1-ĐCN3	7.40	84	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
26	Lê Minh	Nhật	17003177	17C1-NNA1	7.60	83	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
27	Chu Văn	Tuấn	17003075	17C1-NNA1	7.20	83	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
28	Nguyễn Thị	Trang	17003394	17C1-CNM2	7.01	83	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
29	Nguyễn Ngọc Huế	Anh	17002563	17C1-CCK4	7.12	82	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
30	Quang Lê Cát	Phụng	17004669	17C1-NNA1	7.07	82	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
31	Trần Thiện	Nhân	17001075	17C1-NNA1	7.00	82	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
32	Lương Minh	Sơn	17001313	17C1-CNÔ5	7.62	81	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
33	Phạm Thị Hồng	Như	17003660	17C1-QTD1	7.60	81	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
34	Nguyễn Hoàng	Tuấn	17002703	17C1-CCK5	7.16	81	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
35	Đàm Quốc	Bảo	17002422	17C1-CKL1	7.68	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
36	Đặng Khắc	Điệp	17002452	17C1-VSL1	7.63	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
37	Nguyễn Quang	Huy	17001068	17C1-CNÔ3	7.31	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
38	Trịnh Trung	Tín	17002355	17C1-CCK4	7.29	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
39	Nguyễn Minh	Hoàng	17002516	17C1-CTM1	7.21	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
40	Nguyễn Phùng Khắc	Luân	17003160	17C1-CCK7	7.11	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
41	Lê Thanh	Tùng	17004412	17C1-CCK9	7.04	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
Cộng =		41											61.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Sáu mươi một triệu năm ngàn đồng chẵn)

Người lập



Hoàng Ngọc Cảnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc